TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Cao Thị Sáng – Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ thị xã Cai Lậy;

2/- Bà Nguyễn Thị Thúy Vân – Chi hội trưởng chi hội Luật gia phường 1.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: **Võ Thanh P**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: **Nguyễn Thị Mỹ L,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Anh P và Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy của nguyên đơn Võ Thanh P trình bày: tôi và Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên đã ly thân nhau từ cuối năm 2009 đến nay.

- Về con chung: có 01 đứa tên Võ Thị Ngọc H sinh ngày 23/6/2008 hiện do tôi trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho tôi được ly hôn với Nguyễn Thị Mỹ L; tôi được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Anh Võ Thanh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Võ Thanh P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh P.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên xem như chị từ bỏ quyền tham gia phiên tòa và quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Võ Thanh P và chị Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009 ngày 29/6/2009.

Theo trình bày của anh Võ Thanh P tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, hai bên đã ly thân từ cuối năm 2009 đến nay.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải, Chị L không có văn bản phản đối yêu cầu của Anh P, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh P và Chị L thực tế có phát sinh nên anh chị đã ly thân với nhau từ cuối năm 2009 kéo dài đến nay; Chị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết từ lúc hòa giải đến phiên tòa xét xử chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa chị và Anh P.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh P và chị L không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Tại đơn khởi kiện Anh P yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Ngọc H sinh ngày 23/6/2008 là con chung giữa anh và Chị Mỹ L.

Tại phiếu lấy ý kiến con chưa thành niên cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với Anh P.

Chị L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: cháu H hiện đang sống ổn định với Anh P, yêu cầu nuôi con của Anh P là phù hợp theo nguyện vọng của cháu H, không trái đạo đức xã hội nên áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của Anh P, giao cháu H cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P không yêu cầu Chị L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P xác định giữa hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc H sinh ngày 23/6/2008 cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận Anh P không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 01492 ngày 19/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Anh P không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Anh P và Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT